

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 66.18/2026/NQ-CP

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính,
điều kiện kinh doanh

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG

ĐẾN Số: 1062
Ngày: 21/05/2026

Chuyển: Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Số và ký hiệu HS:

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT Đ.T.Trung		X
PCT TT L.A.Quân		X
PCT V.T.Phụng		X
PCT L.T.Kiên		X
PCT N.M.Hùng		X
PCT T.V.Quân		X
PCT H.M.Cường	X	
Q.CVP N.H.Long		X
PCVP T.V.Thiện	X	
PCVP N.T.Hùng		
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hưng		
P. NV&KT,GS		X
P. NC		
P. NN&MT		
P. TC		
P. TH		
P. VX		
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

Căn cứ Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

Chính phủ ban hành Nghị quyết phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh.

Điều 2. Nguyên tắc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh

1. Việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh phải bảo đảm tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng; thúc đẩy đổi mới, sáng tạo; tăng tính chủ động của chính quyền địa phương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Tiếp tục đổi mới toàn diện, nâng cao hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công khai, minh bạch, tối ưu hóa quy trình, thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính; nâng cao năng suất lao động, hiệu lực, hiệu quả quản lý, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản trị hành chính.

Chương II
PHÂN QUYỀN, CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, ĐIỀU KIỆN KINH DOANH

Điều 3. Phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh

1. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an theo quy định tại Phụ lục I.1 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại Phụ lục I.2 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Phụ lục I.3 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nội vụ theo quy định tại Phụ lục I.4 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng theo quy định tại Phụ lục I.5 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

6. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp theo quy định tại Phụ lục I.6 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

7. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính theo quy định tại Phụ lục I.7 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

8. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng theo quy định tại Phụ lục I.8 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

9. Phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định tại Phụ lục I.9 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

10. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế theo quy định tại Phụ lục I.10 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

11. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại Phụ lục I.11 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Bãi bỏ một số điểm, phần, mục tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh

1. Bãi bỏ quy định tại các khoản B.II, B.VII, B.XI, B.XII, B.XIV, B.XV, phần D, các khoản E.II, E.III, E.VI, E.VII, H.I, H.II Mục 1; khoản B.II, B.IV, phần D, phần E, khoản H.II Mục 2 Phụ lục I.3 ban hành kèm theo Nghị quyết

số 66.16/2026/NQ-CP. Bãi bỏ các quy định liên quan đến trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông tại khoản B.III Mục 2 Phụ lục I.3 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

2. Bãi bỏ quy định tại các điểm I.5 và các khoản VI, VII Mục 1 Phụ lục I.4; các khoản B.II, B.III, B.IV, B.V Mục 2 Phụ lục I.4 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

3. Bãi bỏ quy định tại các khoản A.II, B.I, B.II, B.III, B.IV, B.V, B.VI, B.VII, B.VIII, B.IX, mục 1 Phụ lục I.7; phần B mục 2 Phụ lục I.7 và Mẫu số 01, 02 Phụ lục I.7 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

4. Bãi bỏ quy định tại khoản Đ.I Mục 1 Phụ lục I.9; khoản C.III, C.IV, C.V, C.VI Mục 2 Phụ lục I.9; số thứ tự 13 Phần I Phụ lục II; số thứ tự 45 Phần II Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

5. Bãi bỏ quy định tại Phần D Mục 1 Phụ lục I.10 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

6. Bãi bỏ quy định tại các khoản B.I, B.II, B.III, B.IV, B.V, B.VI, B.VII, B.VIII, B.IX, C.XI, C.XIV, C.XV Mục 1 Phụ lục I.12 ban hành kèm theo Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP.

7. Bãi bỏ quy định tại Mục 1; khoản I, II, III, IV và khoản V Mục 2 Phụ lục I.13 ban hành kèm theo Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 5. Tổ chức thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn việc tổ chức triển khai thi hành Nghị quyết này; chịu trách nhiệm tính khả thi các nội dung phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh; ban hành theo thẩm quyền các biện pháp quản lý phù hợp với việc chuyển phương thức quản lý từ tiền kiểm sang hậu kiểm và bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

b) Tham mưu cho Chính phủ trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này để phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, bảo đảm có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.

c) Công bố thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

d) Tiếp tục rà soát đề đề xuất việc phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh phù hợp với nguyên tắc quy định tại Điều 2 Nghị quyết này, báo cáo Thủ tướng Chính phủ phương án thực thi.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức triển khai thi hành Nghị quyết này; bố trí các điều kiện bảo đảm để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được phân quyền.

3. Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, người tham gia xây dựng Nghị quyết này và tham gia xác định, xử lý khó khăn, vướng mắc theo cơ chế đặc biệt quy định tại Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn trách nhiệm trong trường hợp đã tuân thủ đầy đủ các quy trình, quy định liên quan và không vụ lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn xảy ra thiệt hại.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính được đơn giản hóa thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 3 và Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định của pháp luật đang có hiệu lực điều chỉnh trong lĩnh vực đó tại thời điểm hồ sơ được tiếp nhận.

2. Đối với hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính đã được cắt giảm thuộc các lĩnh vực được quy định tại Điều 3 và Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì dừng việc giải quyết thủ tục hành chính, hoàn trả hồ sơ cho cá nhân, tổ chức nếu có yêu cầu.

3. Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, cấp trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027 trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều này.

2. Các quy định tại phần B, E tiểu mục 2.1 Phụ lục I.2; khoản III, IV mục 2 Phụ lục I.5; phần A, B, C tiểu mục 2.1, phần A, B, C tiểu mục 2.2 Mục 2 Phụ lục I.9; phần A, B mục 1, phần A, B mục 2 Phụ lục I.11 ban hành kèm theo Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 5 năm 2026.

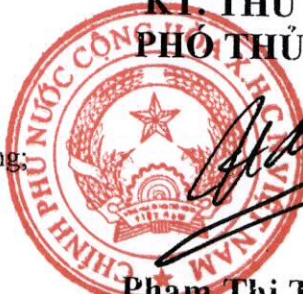
3. Trong thời gian quy định của Nghị quyết này có hiệu lực, nếu quy định về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định, nghị quyết của Chính phủ; quyết định của Thủ tướng Chính phủ; thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có quy định về thủ tục hành chính liên quan đến quy định tại Nghị quyết này được thông qua hoặc ban hành và thời điểm có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày Nghị quyết này được ký ban hành đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027 thì các quy định tương ứng trong Nghị quyết này hết hiệu lực kể từ thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Quốc hội (để báo cáo);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để báo cáo);
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP; BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CDS (2b). **10**

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Phạm Thị Thanh Trà